

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 102/2025/HS-PT
Ngày 19 – 8 – 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thanh Duyên

Các Thẩm phán: Ông Hà Huy Cầu

Bà Lê Thị Tuyết Trinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Duy Minh - Thư ký Tòa Phúc thẩm
Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đặng Quốc Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đưa ra xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 502/2025/TLPT-HS ngày 19 tháng 6 năm 2025 đối với bị cáo Nguyễn Văn X.

Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2025/HS-ST ngày 12 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn X**; Tên gọi khác: S1; Giới tính: Nam; Sinh ngày 01 tháng 01 năm 1979, tại: Đồng Tháp; Nơi thường trú: khóm A, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp (nay là phường A, tỉnh Đồng Tháp); Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 08/12; Nghề nghiệp: mua bán (cò lúa); Con ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1956 và bà Hồ Thị H1, sinh năm 1960; Vợ: Đặng Thị Bé S, sinh năm 1978; Có 02 con, sinh năm 2001 và 2004; Tiền án, tiền sự: Chưa; Tạm giữ: không; Tạm giam ngày 22/10/2024; Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đ (có mặt).

Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Nguyễn Văn X: Luật sư Trịnh Bá T, thuộc Đoàn luật sư Thành phố H (có mặt).

- Bị hại:

1. Phan Văn T1, sinh năm 1976 (vắng mặt);

Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp (nay là phường T, tỉnh

Đồng Tháp).

2. Bùi Văn Đ1, sinh năm 1970 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Số A, ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Long An (nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp).

(các bị hại không có kháng cáo nên Tòa án không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn X sống bằng nghề mua, bán lúa và cò lúa trên địa bàn huyện H, T, thành phố H. Vào đầu vụ xuống giống X đến gặp nông dân trồng lúa để mua, giá thỏa thuận tại thời điểm hiện tại hoặc tại thời điểm thu hoạch lúa. Khi thỏa thuận thành sẽ làm hợp đồng và đặt cọc số tiền 500.000 đồng/01 công lúa (1000m²) đến thu hoạch người dân phải bán số lúa là 600kg/01 công và phải trả lại tiền đặt cọc 500.000 đồng, X được hưởng huê hồng 30 đồng/01kg. Như vậy 01 công lúa thì X được hưởng huê hồng 600kg lúa x 30 đồng = 18.000 đồng. Trong thời gian làm nghề cò lúa, X nhiều lần mua lúa của ông Phan Văn T1, sinh năm 1976, nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp và ông Bùi Văn Đ1, sinh năm 1970, nơi cư trú: ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Long An nên 02 ông rất tin tưởng X.

Năm 2023 do làm ăn thua lỗ, X đã thực hiện hành vi lừa đảo đối với ông T1 và ông Đ1 để chiếm đoạt tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân, cụ thể như sau:

- Vào tháng 11/2023, X làm không 11 hợp đồng mua, bán lúa của nhiều nông dân trên địa bàn huyện T, T và thành phố H với nội dung người nông dân đã nhận tiền đặt cọc bán 2.400 công lúa x 500.000 đồng = 1.200.000.000 đồng, mỗi công lúa khi thu hoạch phải bán là 600kg/01 công lúa, viết xong Xăng tự ký tên của những nông dân bán lúa (*Bên bán*) và ký tên Nguyễn Văn S1 (*Bên mua*) rồi Xăng hẹn gặp ông Phan Văn T1 tại quán C1, thuộc khóm B, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp. X nói với ông T1 có ký 11 hợp đồng mua bán lúa cắt máy liên hợp của nông dân và đã đặt cọc số tiền 1.200.000.000 đồng, rồi đưa 11 hợp đồng cho ông T1 xem và nói muốn bán lại 11 hợp đồng cho ông T1 với điều kiện ông T1 trả lại cho X tiền đặt cọc là 1.200.000.000 đồng và đến khi thu hoạch ông T1 cho X hưởng lợi 30 đồng/01kg lúa (như vậy 01 công lúa Xăng được hưởng lợi 30 đồng x 600kg = 18.000 đồng, ông T1 được hưởng lợi 170 đồng x 600kg = 102.000 đồng). Ông T1 tin tưởng nên đồng ý mua lại 11 Hợp đồng mua bán lúa nêu trên, X đưa 11 Hợp đồng cho ông T1 giữ và ông T1 trả tiền mặt cho X 03 lần: Lần 1 đưa số tiền 650.000.000 đồng; lần thứ 2 cách lần thứ nhất khoảng 07 ngày đưa số tiền 300.000.000 đồng; lần thứ 3 cách lần thứ hai khoảng 07 ngày đưa số tiền 250.000.000 đồng; cả 03 lần đưa tiền tại quán C2 cafe.

- Vào tháng 03/2024, X hẹn gặp ông Đ1 tại thành phố H (không nhớ địa chỉ cụ thể) và nói ở khu vực xã A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp có 360 héc ta đất trồng nếp, trong vòng 01 tháng thu hoạch người ta bán giá bán là 8.050 đồng/01kg

đến 8.100 đồng/01kg, 01 công nếp sản lượng bán là 600kg (nhưng trên thực tế không có nông dân nào thỏa thuận sẽ bán nếp cho bị can X), nếu đồng ý mua thì đưa tiền cho X đặt cọc với số tiền là 410.000 đồng/01 công, tương đương với $3.600 \text{ công nếp} \times 410.000 \text{ đồng} = 1.476.000.000 \text{ đồng}$, khi thu hoạch nếp ông Đ1 phải cho X hưởng tiền hoa hồng là 30 đồng/01kg. Ông Đ1 tưởng thật nên đồng ý và đã 06 lần sử dụng tài khoản Ngân hàng S4 số 0700310363397 tên Bùi Văn Đ1 chuyển 1.420.000.000 đồng vào tài khoản Ngân hàng S4 số 0700310363397 tên Nguyễn Văn X, cụ thể:

- Lần 1: Ngày 09/03/2024, chuyển 200.000.000 đồng.
- Lần 2: Ngày 11/03/2024, chuyển 400.000.000 đồng.
- Lần 3: Ngày 11/03/2024, chuyển 200.000.000 đồng.
- Lần 4: Ngày 12/03/2024, chuyển 300.000.000 đồng.
- Lần 5: Ngày 17/03/2024, chuyển 100.000.000 đồng.
- Lần 6: Ngày 18/03/2024, chuyển 220.000.000 đồng.

Sau khi nhận 1.200.000.000 đồng của ông T1 và nhận 1.420.000.000 đồng của ông Đ1, X sử dụng để trả nợ và tiêu xài cá nhân cho đến hết.

Đến thời điểm giao lúa, nếp cho ông T1 và ông Đ1, Nguyễn Văn X nói không có ký hợp đồng mua lúa, nếp của nông dân mà làm hợp đồng mua bán lúa nếp không để lấy tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân. X đã trả cho ông Đ1 được 143.000.000 đồng còn thiếu 1.277.000.000 đồng; thiếu ông T1 1.200.000.000 đồng. Ông Phan Văn T1 và Bùi Văn Đ1 đến Cơ quan công an tố giác Nguyễn Văn X lừa đảo chiếm đoạt số tiền trên.

Qua xác minh những người có tên trong 11 hợp đồng gồm:

1. Ông Ngô Tấn S2, sinh năm 1983, nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp;
2. Ông Võ Minh T2, sinh năm 1983, nơi cư trú: khóm A, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp;
3. Ông Hồ Văn C, sinh năm 1986, nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp;
4. Ông Nguyễn Văn Đ2, sinh năm 1981, nơi cư trú: Khóm A, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp;
5. Ông Lê Văn T3 (tên gọi khác B), sinh năm 1987, nơi cư trú: khóm A, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp;
6. Ông Võ Văn L, sinh năm 1982, nơi cư trú: Khóm A, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp;
7. Ông Hồ Văn K, sinh năm 1978, nơi cư trú: Khóm A, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp;

8. Ông Nguyễn Văn T4, sinh năm 1973, nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp;

9. Ông Đặng Văn T5, sinh năm 1982, nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp;

10. Ông Trần Văn Đ3, sinh năm 1970, nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp;

10. Ông Ngô Văn Đ4, sinh năm 1973, nơi cư trú: ấp A, xã A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

Những người nêu trên trình bày không nhận tiền đặt cọc bán lúa của X như trong 11 Hợp đồng đã ghi.

* Kết quả trưng cầu giám định :

- Kết luận giám định số 1023/KL-KTHS, ngày 29/07/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh Đ. Kết luận:

+ Chữ ký, chữ viết họ tên Nguyễn Văn S1 dưới mục bên mua trên 10 (mười) tài liệu cần giám định ký hiệu A1 đến A10 so với chữ ký, chữ viết của ông Nguyễn Văn X (tên gọi khác Nguyễn Văn S1) trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M3 do cùng một người ký, viết ra.

+ Tài liệu cần giám định ký hiệu A11 dưới mục bên mua không có nội dung cần giám định.

- Kết luận giám định số 1229/KL-KTHS, ngày 09/09/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh Đ. Kết luận:

+ Chữ viết nội dung trên 11 (mười một) Hợp đồng mua bán lúa cắt máy liên hợp ký hiệu từ A1 đến A11 và chữ viết dưới họ tên dưới mục Bên bán trên 08 (tám) Hợp đồng mua bán lúa cắt máy liên hợp ký hiệu A1, A2, A5, A7 đến A11 so với chữ viết của Nguyễn Văn X (tên khác Nguyễn Văn S1) trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1 đến M5 là do cùng một người viết ra.

+ Không đủ cơ sở kết luận giám định chữ viết họ và tên Lê Văn B1, Nguyễn Văn Y, Ngô Tấn S3 dưới mục Bên bán trên 03 (ba) Hợp đồng mua bán lúa cắt máy liên hợp ký hiệu A3, A4, A6 so với chữ viết của Nguyễn Văn X (tên khác Nguyễn Văn S1) trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M5 có phải do cùng một người viết ra hay không.

+ Không đủ cơ sở kết luận giám định chữ ký tên dưới mục Bên bán trên 11 Hợp đồng mua bán lúa cắt máy liên hợp ký hiệu từ A1 đến A11 so với chữ ký của Nguyễn Văn X (tên khác S1) trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1 đến M5 có phải do cùng một người viết ra hay không.

* Đồ vật, tài liệu thu giữ:

- Phan Văn T1 giao nộp 11 Hợp đồng mua bán lúa cắt máy liên hợp (được ký hiệu từ A1 đến A11); 01 tờ giấy tập ghi nội dung ông Nguyễn Văn X nợ ông Phan Văn T1 số tiền 1.200.000.000 đồng.

- Bùi Văn Đ1 giao nộp: 01 Biên bản xác nhận nợ và cam kết trả nợ giữa ông Bùi Văn Đ1 (Bên chủ nợ) và ông Nguyễn Văn X (Bên nợ) nội dung ông X nợ ông Đ1 số tiền 1.277.000.000 đồng và cam kết trả nợ trong 03 lần; 01 sao kê tài khoản Ngân hàng S4 số 07001217012 tên Bui Van D từ ngày 01/03/2024 đến 30/03/2024.

* Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Phan Văn T1 yêu cầu Nguyễn Văn X trả lại 1.200.000.000 đồng. Bị hại Bùi Văn Đ1 yêu cầu Nguyễn Văn X trả lại 1.277.000.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2025/HS-ST ngày 12 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, đã tuyên xử:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn X phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn X 15 (mười lăm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 22/10/2024.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về phân trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 19/5/2025, bị cáo Nguyễn Văn X kháng cáo xin giảm hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Văn X giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm hình phạt.

Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm như sau:

Về chấp hành pháp luật: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Về nội dung, sau khi phân tích các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, xét thấy, Tòa cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn X phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là đúng quy định pháp luật. Xét mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt các bị cáo là tương xứng tính chất mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo. Do đó đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa chỉ định cho bị cáo trình bày: Không có ý kiến tranh luận về tội danh mà cấp sơ thẩm đã tuyên. Tuy nhiên, về phần hình phạt, luật sư cho rằng mức án 15 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên là nghiêm khắc so với số tiền thực tế mà bị cáo đã chiếm đoạt và các tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được áp dụng. Ngoài ra, trong suốt quá trình điều tra, truy tố và xét xử, bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, thể hiện thái độ hợp tác với các cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng chính sách khoan hồng, giảm một phần hình phạt cho bị cáo, thể hiện tính nhân đạo, tạo cơ hội được sớm cải tạo, tái hòa nhập cộng đồng và tiếp tục khắc phục hậu quả cho các bị hại.

Lời nói sau cùng, bị cáo bày tỏ sự ăn năn, hối hận về hành vi của mình, mong được xem xét chấp nhận kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo trong vụ án đúng về hình thức, nội dung và được nộp trong hạn luật định nên là kháng cáo hợp lệ.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của những người bị hại, những người làm chứng, kết luận giám định cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã đủ cơ sở kết luận: Xuất phát từ việc làm ăn thua lỗ, dẫn đến thiếu nợ, lợi dụng vào nghề nghiệp cò mua lúa, nếp nhiều năm nên Nguyễn Văn X đã làm không 11 Hợp đồng mua bán lúa với số tiền 1.200.000.000 đồng và bán lại cho bị hại Phan Văn T1 để chiếm đoạt số tiền 1.200.000.000 đồng và X còn có lời nói gian dối với bị hại Bùi Văn Đ1 là cần nhận tiền đặt cọc bán nếp, bị hại Đông tin tưởng đã chuyển khoản nhiều lần với số tiền 1.420.000.000 đồng cho bị cáo. Tới hạn, không có nếp để giao, bị hại Đ1 đòi nhiều lần và X trả được 143.000.000 đồng, còn lại 1.277.000.000 đồng Xăng chiếm đoạt tiêu xài cá nhân. Tổng số tiền bị cáo Nguyễn Văn X chiếm đoạt của 02 bị hại là 2.477.000.000 đồng.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm quy kết bị cáo Nguyễn Văn X phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trái pháp luật đến quyền và lợi ích hợp pháp của các bị hại. Mặc dù nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vì mục đích vụ lợi cá nhân, bị cáo đã cố tình đưa ra thông tin gian dối về việc ký kết hợp đồng mua bán lúa và đặt cọc bán nếp, nhằm tạo sự tin tưởng cho các bị hại là ông Phan Văn T1 và ông Bùi Văn Đ1, từ đó chiếm đoạt tổng số tiền là 2.477.000.000 đồng.

Xét hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, với khung hình phạt từ 12 năm đến 20 năm tù hoặc tù chung thân. Bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “phạm tội nhiều lần”, quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Về nhân thân, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, là lao động chính trong gia đình có hoàn cảnh khó khăn, gia đình bị cáo có công với Cách mạng, có người bác tên Nguyễn Văn M là liệt sĩ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo tiếp tục thể hiện thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, mặc dù bị cáo không xuất trình được thêm tình tiết giảm nhẹ mới, nhưng xét thấy mức án 15 năm tù mà cấp sơ thẩm đã tuyên là có phần nghiêm khắc, chưa tương xứng với các tình tiết giảm

nhẹ mà bị cáo được hưởng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ để chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo, thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật.

[4] Quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do chấp nhận kháng cáo nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo Nguyễn Văn X;

Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2025/HS-ST ngày 12 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn X phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn X 14 (*mười bốn*) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 22/10/2024. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

2. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Văn X không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Công tố và KSXXPT tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Công an tỉnh Đồng Tháp;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Tháp;
(để tổng đạt cho bị cáo) (3);
- Lưu (6). HS (2) 20b (Án 36).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thanh Duyên